TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29– 11 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Oanh và bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 10/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐ-HNGĐ ngày 21/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm 1989; nơi thường trú: Thôn Tế Giáp, xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1989; nơi thường trú: Thôn Tế Giáp, xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của chị Nguyễn Hằng N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011 tại UBND xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ. Khi kết hôn với anh D, chị đang là giáo viên của trường Tiểu học Đồng Tĩnh A, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị thuê nhà ở xã Đồng Tĩnh để thuận lợi cho công việc, còn

anh D ở cùng nhà với bố mẹ anh tại xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ. Cuối tuần, anh D sang nhà nhà trọ ở cùng chị. Đến tháng 08/2012, chị chuyển công tác về trường Tiểu học Thanh Đa, huyện Phúc thọ và về sống chung cùng nhà với bố mẹ anh D. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian tiếp theo, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, nợ nần nhiều người và có nhiều mối quan hệ phức tạp. Anh D không quan tâm, chăm lo con cái. Có nhiều người đến nhà, tìm anh D để đòi tiền. Bố mẹ chồng chị phải làm đơn gửi Công an xã can thiệp vì những người đến đòi nợ đã gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt gia đình và gây khó khăn trong công việc của chị. Khoảng từ tháng 07/2017, anh D đi làm ăn xa và tránh nợ nần của một số người. Anh D thỉnh thoảng có về nhà vào buổi tối, xong sáng sớm lại đi ngay. Chị ở cùng nhà với bố mẹ chồng trong suốt thời gian anh D không có nhà cho đến tháng 08/2023 thì chị và các con ra ngoài thuê nhà ở. Anh D có gọi điện cho con, nói chuyện với con nhưng không liên lạc với chị. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Vũ, sinh ngày 12/3/2012 và cháu Lê Minh Lâm, sinh ngày 13/5/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang là giáo viên của trường tiểu học, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng, đảm bảo cuộc sống của 03 mẹ con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn là anh Lê Văn D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến Tòa án và đến phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh đều vắng mặt không có lý do.

* Ông Lê Văn Hải (bố đẻ anh Dũng) trình bày: Anh D đã biết được việc chị N có đơn xin ly hôn và đang được Tòa án huyện Phúc Thọ giải quyết. Do anh D đang làm ăn ở xa nên không thể sắp xếp được công việc để đến Tòa án giải quyết vụ án. Anh thông tin lại đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị N. Về phía gia đình, ông muốn Tòa án hòa giải để chị N rút đơn ly hôn.

* Kết quả xác minh tại địa phương: Nguyên nhân vợ chồng chị N và anh D mâu thuẫn là do anh D chơi bời, không chịu tu chí làm ăn và có nhiều mối quan hệ xã hội phức tạp. Đã có lần, Công an xã phải đến nhà anh D để giải quyết do có 1 số người đến đòi nợ anh D gây mất an ninh khu vực. Hiện nay, anh D và chị N đang sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của chị N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn thì chưa thực hiện đúng.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hằng N: Chị N được ly hôn anh Lê Văn D. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Vũ, sinh ngày 12/3/2012 và cháu Lê Minh Lâm, sinh ngày 13/5/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Hằng N có đơn xin ly hôn anh Lê Văn D thường trú tại xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị N và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hằng N và anh Lê Văn D xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị N và anh D chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Thời gian tiếp theo thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không chia sẻ công việc gia đình cùng chị N, không tu chí làm ăn, ham chơi dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Chị N và gia đình đã khuyên can nhiều nhưng anh D không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2017 và không quan tâm đến nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng và xin được ly hôn anh D. Xét thấy, quan

hệ hôn nhân giữa chị N và anh D không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh D là có căn cứ.

Về con chung: Anh D và chị N có 02 con chung là cháu Lê Minh Vũ, sinh ngày 12/3/2012 và cháu Lê Minh Lâm, sinh ngày 13/5/2015 hiện đang ở cùng chị N. Ly hôn, chị N xin tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Cháu Vũ và cháu Lâm đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, kể từ khi chị N, anh D sống ly thân, cháu Vũ và cháu Lâm được chị N nuôi dưỡng chăm sóc khỏe mạnh, học tập tốt. Chị N có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vào thời điểm hiện tại sẽ phù hợp hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hằng N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hằng N được ly hôn anh Lê Văn D.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh Vũ, sinh ngày 12/3/2012 và cháu Lê Minh Lâm, sinh ngày 13/5/2015 cho chị Nguyễn Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn D cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của

cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041013 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáobản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ (số 12-14/02/2011)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu